

TAND HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 78/2017/HNGĐ-ST

Ngày 08-9-2017

V/v ly hôn giữa anh V và chị M

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán: Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Thái;
2. Ông Nguyễn Tiến Chính.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Hà, Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Thân Mạnh Thắng, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 268/2017/TLST-HNGĐ ngày 07/7/2017 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2017/QĐXX-ST ngày 10/8/2017 giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1984 “vắng mặt”

Địa chỉ: Thôn 7, xã Q, huyện H, thành phố Hà Nội

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1983 “vắng mặt”

Địa chỉ: Thôn G, thị trấn N, huyện N, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/6/2017 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh Nguyễn Văn V trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị M đăng ký kết hôn ngày 12/12/2006 tại UBND xã Q, huyện H, thành phố Hà Nội trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 6 năm. Năm 2012 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, nay vợ chồng anh đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nữa, cắt đứt quan hệ tình cảm và kinh tế. Chị M đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở thôn

G, thị trấn N, huyện N làm ăn sinh sống. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị M.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh có một con chung là Nguyễn Quang Lộc, sinh ngày 11/8/2007, cháu khỏe mạnh phát triển bình thường. Do anh không muốn ảnh hưởng đến tâm lý của cháu nên không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Vợ chồng anh không có.

Do anh Nguyễn Văn V có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử công bố lời khai của anh V.

Chị Nguyễn Thị M 1µ bÐ ®-n có hộ khẩu thường trú tại thôn G, thị trấn N, huyện N, tỉnh Bắc Giang đã được Toà án giao, tổng đạt các văn bản tố tụng thông qua ông Nguyễn Văn Chu là bố đẻ chị M theo đúng quy định của pháp luật, nhưng hết thời hạn pháp luật quy định chị M không có ý kiến, quan điểm và chứng cứ cung cấp, giao nộp cho Toà án để bảo vệ quyền và lợi ích của mình. Tại phiên họp h«m nay, chị M vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu quan điểm: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong cả quá trình tố tụng, đảm bảo đúng quyền, nghĩa vụ của các bên đương sự. Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 227, 228, 238 ; 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, 27 Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn V và chị Nguyễn Thị M.

Về nuôi con chung, tài sản và công nợ các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn V có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị Nguyễn Thị M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị M không gửi bản tự khai, không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại các phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của BLTTDS xét xử vắng mặt các đương sự.

Về nội dung: Anh Nguyễn Văn V và chị Nguyễn Thị M đăng ký kết hôn ngày 12/12/2006 tại UBND xã Q, huyện H, thành phố Hà Nội trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện nên hôn nhân giữa anh V và chị M là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân vợ chồng anh V, chị M phát sinh mâu thuẫn là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, đã sống ly thân không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, cắt đứt quan hệ tình cảm và kinh tế. Nay anh V xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị M. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng anh V, chị M đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cho ly hôn giữa anh V và chị M.

Về án phí: Anh V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, 228, 238 Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, 27 Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn V và chị Nguyễn Thị M.

Án phí: Anh V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng anh V đã nộp tại biên lai thu số AA/2017/0002570 ngày 07/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

Báo cho các đương sự vắng mặt tại phiên tòa biết, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKS, THA huyện N;
- Các đương sự;
- UBND xã Q, H, Hà Nội;
- Lưu vp, hồ sơ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Thị Thu Thủy

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Thái Nguyễn Tiến Chính

Tạ Thị Thu Thủy

